PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi: ....

Bài thi: .... Ngày thi: ..../......../ 20 ....

7. Số báo danh

8. Mã đề

Họ tên, chữ kí CBCT 1	1. Hội đồng thi: ....
	2. Điểm thi: ....
Họ tên, chữ kí CBCT 2	3. Phòng thi số: .... Lớp: ....
	4. Họ và tên thí sinh: ....
Điểm	5. Ngày sinh: ..../........./.................... (Nam / Nữ).
	6. Chữ kí của thí sinh: ....

Số báo danh: 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Mã đề: 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

PHẦN I

Chú ý: Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau Phiếu này

	A	B	C	D
1	◯	◯	◯	◯
2	◯	◯	◯	◯
3	◯	◯	◯	◯
4	◯	◯	◯	◯
5	◯	◯	◯	◯
6	◯	◯	◯	◯
7	◯	◯	◯	◯
8	◯	◯	◯	◯
9	◯	◯	◯	◯
10	◯	◯	◯	◯

	A	B	C	D
11	◯	◯	◯	◯
12	◯	◯	◯	◯
13	◯	◯	◯	◯
14	◯	◯	◯	◯
15	◯	◯	◯	◯
16	◯	◯	◯	◯
17	◯	◯	◯	◯
18	◯	◯	◯	◯
19	◯	◯	◯	◯
20	◯	◯	◯	◯

	A	B	C	D
21	◯	◯	◯	◯
22	◯	◯	◯	◯
23	◯	◯	◯	◯
24	◯	◯	◯	◯
25	◯	◯	◯	◯
26	◯	◯	◯	◯
27	◯	◯	◯	◯
28	◯	◯	◯	◯
29	◯	◯	◯	◯
30	◯	◯	◯	◯

	A	B	C	D
31	◯	◯	◯	◯
32	◯	◯	◯	◯
33	◯	◯	◯	◯
34	◯	◯	◯	◯
35	◯	◯	◯	◯
36	◯	◯	◯	◯
37	◯	◯	◯	◯
38	◯	◯	◯	◯
39	◯	◯	◯	◯
40	◯	◯	◯	◯

PHẦN II

	Câu 1 Đúng Sai	Câu 2 Đúng Sai
a)	◯ ◯	◯ ◯
b)	◯ ◯	◯ ◯
c)	◯ ◯	◯ ◯
d)	◯ ◯	◯ ◯

	Câu 3 Đúng Sai	Câu 4 Đúng Sai
a)	◯ ◯	◯ ◯
b)	◯ ◯	◯ ◯
c)	◯ ◯	◯ ◯
d)	◯ ◯	◯ ◯

	Câu 5 Đúng Sai	Câu 6 Đúng Sai
a)	◯ ◯	◯ ◯
b)	◯ ◯	◯ ◯
c)	◯ ◯	◯ ◯
d)	◯ ◯	◯ ◯

	Câu 7 Đúng Sai	Câu 8 Đúng Sai
a)	◯ ◯	◯ ◯
b)	◯ ◯	◯ ◯
c)	◯ ◯	◯ ◯
d)	◯ ◯	◯ ◯

PHẦN III

Câu 1, Câu 2, Câu 3, Câu 4, Câu 5, Câu 6

Digits: -, , 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9